

Số: 1726/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 08 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch Cung cấp dữ liệu mở
trong các cơ quan Nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2023 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 94/TTr-STTTT ngày 28/8/2023; ý kiến thống nhất của Thành viên UBND tỉnh Sơn La khóa XV, nhiệm kỳ 2021-2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Cung cấp dữ liệu mở trong các cơ quan Nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2023 - 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Thông tin và Truyền thông

- Là cơ quan đầu mối, đôn đốc, theo dõi tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Thực hiện công tác báo cáo, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch này hằng năm (*tổng hợp trong Báo cáo chuyển đổi số năm*) và kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch.

2. Các cơ quan chủ trì cung cấp dữ liệu thuộc Danh mục có trách nhiệm:

- Thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu mở theo nguyên tắc cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số

47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ; đảm bảo việc tiếp cận, trao đổi thông tin, dữ liệu mở được thông suốt, kịp thời, đáp ứng các yêu cầu thực tế.

- Thường xuyên, định kỳ cập nhật thông tin đối với dữ liệu mở trên Cổng dữ liệu mở của tỉnh theo kế hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh uỷ, ĐDBQH&HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Phòng TCHCQT;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KGVX, NQ.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Quốc Khánh



KẾ HOẠCH

Cung cấp dữ liệu mở trong các cơ quan Nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2023 - 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1726 /QĐ-UBND ngày 08/9/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai cung cấp dữ liệu mở, đạt chỉ tiêu trên 70% các cơ quan, đơn vị cung cấp dữ liệu mở năm 2023; trên 90% các cơ quan, đơn vị cung cấp dữ liệu mở vào năm 2024; 100% các cơ quan, đơn vị cung cấp dữ liệu mở vào năm 2025.
- Thúc đẩy người dân, doanh nghiệp khai thác dữ liệu mở phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh trong việc quản lý, kết nối, chia sẻ sử dụng dữ liệu.
- Tuân thủ các quy định, hướng dẫn kỹ thuật về trao đổi dữ liệu, về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước và phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh Sơn La.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành Cổng dữ liệu mở và Kho dữ liệu số tỉnh Sơn La tại địa chỉ: <https://data.sonla.gov.vn>, đảm bảo đúng quy định.
- Triển khai giải pháp kết nối, tích hợp các dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Sơn La (theo Phụ lục I) để chia sẻ lên Cổng dữ liệu mở tỉnh Sơn La đảm bảo đồng bộ và an toàn thông tin.
- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố các dữ liệu do các đơn vị, địa phương thu thập, quản lý theo quy định: Công bố Danh mục dữ liệu mở tỉnh Sơn La hằng năm theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP và yêu cầu trong việc công bố dữ liệu mở của cơ quan nhà nước tại Điều 20 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP (theo Mẫu tại Phụ lục II).

- Phối hợp, hỗ trợ, hướng dẫn các cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Sơn La và Danh mục dữ liệu mở tỉnh Sơn La xác định nội dung, hình thức chia sẻ dữ liệu, hướng dẫn sử dụng, cập nhật dữ liệu phù hợp lên Cổng dữ liệu mở tỉnh Sơn La.

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở mở chuyên mục về thông tin Dữ liệu mở, đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cơ quan, đơn vị, chính quyền các cấp, các doanh nghiệp và người dân về việc xây dựng, cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu mở.

- Theo dõi, đôn đốc các cơ quan liên quan cập nhật dữ liệu vào Cổng dữ liệu mở tỉnh Sơn La. Tổng hợp báo cáo về tình hình cập nhật dữ liệu mở của cơ quan, đơn vị báo cáo UBND tỉnh định kỳ hằng năm.

2. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

- Định kỳ hàng năm phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông rà soát dữ liệu của cơ quan, đơn vị, địa phương mình để tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh mục dữ liệu do các đơn vị, địa phương thu thập, quản lý; thực hiện cung cấp, đăng tải trên Cổng dữ liệu mở tỉnh Sơn La và xác định sự phân loại đối với dữ liệu, ưu tiên cung cấp dữ liệu mở đối với dữ liệu mà người dân, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng cao đảm bảo đến hết năm 2025, mỗi cơ quan, đơn vị cung cấp và duy trì cung cấp ít nhất một bộ dữ liệu mở trên Cổng dữ liệu mở tỉnh Sơn La.

- Tiếp nhận ý kiến phản hồi của tổ chức, cá nhân để xác định mức độ ưu tiên và thực hiện công bố dữ liệu mở phù hợp với nhu cầu. Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong xã hội, cộng đồng thực hiện các hoạt động xây dựng, đóng góp để mở rộng dữ liệu mở theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

- Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi dữ liệu được quản lý, lưu trữ, xử lý, truyền tải trên hệ thống của đơn vị, địa phương mình theo quy định về quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Bố trí cán bộ làm đầu mối phụ trách đăng tải dữ liệu lên Cổng dữ liệu mở tỉnh Sơn La, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để cấp và quản lý tài khoản Cổng dữ liệu mở của đơn vị mình (*cán bộ đầu mối phải là các cán bộ chuyên môn, kỹ thuật có khả năng tham mưu, triển khai các nhiệm vụ liên quan đến quản trị dữ liệu theo quy định của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP*).

3. Đề nghị các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh

- Rà soát dữ liệu của đơn vị đề xuất và phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện để thực hiện cung cấp, đăng tải trên Cổng dữ liệu mở tỉnh Sơn La.

- Chỉ đạo hệ thống tổ chức từ tỉnh đến cơ sở phối hợp với các ngành, chính quyền các cấp làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, người dân sử dụng dữ liệu mở.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch bố trí từ dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hằng năm, căn cứ vào tình hình thực tế và nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng dự toán kinh phí thực hiện và tổng hợp chung trong dự toán ngân sách của đơn vị mình trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan đầu mối, đôn đốc, theo dõi tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch này. Chỉ đạo, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tuyên truyền, hướng dẫn triển khai phát triển, quản lý, vận hành Cổng dữ liệu mở và Kho dữ liệu số tỉnh Sơn La;

Thực hiện công tác báo cáo đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch này hằng năm kịp thời báo cáo (*tổng hợp trong báo cáo Chuyển đổi số của năm*) UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Kế hoạch

2. Giám đốc các Sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; đề nghị Lãnh đạo các tổ chức đoàn thể của tỉnh liên quan có trách nhiệm phân công thành viên nội bộ cơ quan, địa phương mình thực hiện công việc cập nhật và đảm bảo việc cập nhật thường xuyên, đúng nội dung, đúng thời hạn.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham mưu bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý để thực hiện kế hoạch.

4. Chế độ báo cáo: Hằng năm (*trước ngày 15/12*) Giám đốc các Sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, đề nghị Lãnh đạo các tổ chức đoàn thể của tỉnh báo cáo việc triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao trong kế hoạch gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./.

Phụ lục I
DANH MỤC DỮ LIỆU CUNG CẤP DƯỚI DẠNG DỮ LIỆU MỞ
(Kèm theo Kế hoạch của UBND tỉnh Sơn La)

TT	Tên dữ liệu	Đơn vị chủ trì cung cấp dữ liệu liên quan
I	CHỦ ĐỀ GIÁO DỤC	
1	Cơ sở dữ liệu văn bằng, chứng chỉ	Sở Giáo dục và Đào tạo
2	Dữ liệu giáo viên từng cấp trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Dữ liệu học sinh từng cấp trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
4	Dữ liệu các nhóm trẻ độc lập tự thực trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
5	Dữ liệu các trường mầm non trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
6	Dữ liệu các trường tiểu học trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
7	Dữ liệu các trường tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
8	Dữ liệu các trường trung học cơ sở trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
9	Dữ liệu các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
10	Dữ liệu các trường trung học phổ thông trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
11	Dữ liệu các trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
12	Dữ liệu các cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
13	Dữ liệu danh sách các trung tâm đào tạo tin học trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
14	Dữ liệu danh sách các trung tâm đào tạo ngoại ngữ trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
II	CHỦ ĐỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	
15	Dữ liệu thuê bao điện thoại di động	Sở Thông tin và Truyền thông
16	Dữ liệu thuê bao điện thoại cố định	Sở Thông tin và Truyền thông
17	Dữ liệu thuê bao băng rộng cố định	Sở Thông tin và Truyền thông

TT	Tên dữ liệu	Đơn vị chủ trì cung cấp dữ liệu liên quan
18	Dữ liệu thuê bao băng rộng di động mặt đất	Sở Thông tin và Truyền thông
19	Dữ liệu cơ quan báo chí trung ương và địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông
20	Dữ liệu danh sách các cơ sở in được cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Sở Thông tin và Truyền thông
21	Dữ liệu cơ sở hạ tầng điểm phục vụ bưu chính	Sở Thông tin và Truyền thông
22	Dữ liệu vị trí các cột an-ten lắp đặt trạm BTS	Sở Thông tin và Truyền thông
23	Dữ liệu cơ sở hạ tầng điểm phục vụ viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông
III	CHỦ ĐỀ GIAO THÔNG VẬN TẢI	
24	Dữ liệu mạng lưới tuyến, biểu đồ chạy xe trên tuyến, giá vé xe buýt trên địa bàn	Sở Giao thông vận tải
25	Dữ liệu các luồng, tuyến cố định hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô	Sở Giao thông vận tải
26	Dữ liệu thông tin trên đường Quốc lộ, đường liên tỉnh	Sở Giao thông vận tải
27	Dữ liệu các điểm đỗ xe công cộng trên địa bàn	Sở Giao thông vận tải
28	Dữ liệu các cơ sở đào tạo lái xe ô tô và trung tâm sát hạch lái xe	Sở Giao thông vận tải
29	Dữ liệu vị trí các công trình báo hiệu đường bộ gồm đèn tín hiệu giao thông, biển báo hiệu	Sở Giao thông vận tải
30	Dữ liệu bến xe khách và giá dịch vụ ra vào bến	Sở Giao thông vận tải
31	Dữ liệu về cấp mới giấy phép lái xe trên địa bàn	Sở Giao thông vận tải
32	Dữ liệu về giá cước vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	Sở Giao thông vận tải
33	Dữ liệu về danh sách các tuyến đường cấm đỗ xe trên địa bàn	Sở Giao thông vận tải
34	Dữ liệu danh sách các hãng taxi trên địa bàn	Sở Giao thông vận tải
35	Dữ liệu danh sách các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận tải	Sở Giao thông vận tải

TT	Tên dữ liệu	Đơn vị chủ trì cung cấp dữ liệu liên quan
36	Dữ liệu các cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	Sở Giao thông vận tải
IV	CHỦ ĐỀ KHOA HỌC	
37	Thông tin nhiệm vụ KH&CN tỉnh Sơn La	Sở Khoa học và Công nghệ
38	Thông tin Doanh nghiệp KH&CN	Sở Khoa học và Công nghệ
39	Thông tin Tổ chức Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
V	CHỦ ĐỀ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
40	Dữ liệu thông tin doanh nghiệp, danh sách doanh nghiệp đăng ký mới, thay đổi, tạm ngừng, giải thể, hoạt động trở lại	Sở Kế hoạch và Đầu tư
41	Dữ liệu các liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn	Sở Kế hoạch và Đầu tư
VI	CHỦ ĐỀ LAO ĐỘNG	
42	Dữ liệu về Trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
43	Dữ liệu về tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi phân theo địa phương	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
44	Dữ liệu về lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm phân theo loại hình kinh tế	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
45	Dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
46	Dữ liệu về người đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
47	Dữ liệu về cơ sở trợ giúp xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
48	Dữ liệu về cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
VII	CHỦ ĐỀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	
49	Dữ liệu VILG	Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên dữ liệu	Đơn vị chủ trì cung cấp dữ liệu liên quan
50	Dữ liệu đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường
VIII	CHỦ ĐỀ NÔNG NGHIỆP	
51	Công bố thông báo tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm thực phẩm, nông, lâm, thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
52	Dữ liệu hoạt động trồng trọt trên địa bàn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
53	Dữ liệu mã số vùng trồng.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
54	Dữ liệu mã số cơ sở đóng gói.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
55	Dữ liệu cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
56	Dữ liệu cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
57	Dữ liệu các cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
58	Dữ liệu các cơ sở sản xuất giống vật nuôi.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
59	Dữ liệu các cơ sở chăn nuôi.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
60	Dữ liệu các cơ sở có giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
61	Dữ liệu các tổ chức, cá nhân chăn nuôi trang trại quy mô lớn được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
62	Dữ liệu danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
63	Dữ liệu về cơ sở sản xuất giống thủy sản đã được cấp giấy chứng nhận.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
64	Dữ liệu rừng phòng hộ trên địa bàn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
65	Dữ liệu rừng đặc dụng trên địa bàn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển

TT	Tên dữ liệu	Đơn vị chủ trì cung cấp dữ liệu liên quan
		nông thôn
66	Dữ liệu rừng sản xuất trên địa bàn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
67	Dữ liệu thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
68	Dữ liệu các xã đạt chuẩn nông thôn mới.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
69	Dữ liệu các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
70	Dữ liệu các sản phẩm OCOP.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
71	Dữ liệu tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
72	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo Quy chuẩn".	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
IX	CHỦ ĐỀ TÀI CHÍNH	
73	Cân đối ngân sách địa phương	Sở Tài chính
74	Cân đối nguồn thu, chi dự toán ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện	Sở Tài chính
75	Dự toán thu ngân sách nhà nước	Sở Tài chính
76	Dự toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh và chi ngân sách huyện theo cơ cấu chi	Sở Tài chính
77	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh theo từng lĩnh vực	Sở Tài chính
78	Cân đối ngân sách địa phương (quý, 06 tháng, năm)	Sở Tài chính
79	Ước thực hiện thu ngân sách nhà nước (quý, 06 tháng, năm)	Sở Tài chính
80	Ước thực hiện chi ngân sách địa phương (quý, 06 tháng, năm)	Sở Tài chính
81	Cân đối ngân sách địa phương	Sở Tài chính
82	Quyết toán thu ngân sách nhà nước	Sở Tài chính

TT	Tên dữ liệu	Đơn vị chủ trì cung cấp dữ liệu liên quan
83	Quyết toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện theo cơ cấu chi	Sở Tài chính
X	CHỦ ĐỀ VĂN HÓA DU LỊCH	
84	Dữ liệu các địa điểm du lịch tự nhiên về cảnh quan thiên nhiên trên địa bàn	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
85	Dữ liệu các địa điểm du lịch lịch sử - văn hóa trên địa bàn	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
86	Dữ liệu các khu, điểm dịch vụ mua sắm, vui chơi, giải trí trên địa bàn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
87	Dữ liệu các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
88	Dữ liệu các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
89	Dữ liệu các điểm cung cấp thông tin phục vụ khách du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
90	Dữ liệu các công ty lữ hành du lịch được cấp phép	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
91	Dữ liệu danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
92	Dữ liệu các di tích lịch sử - văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
93	Dữ liệu các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
94	Dữ liệu các bảo tàng thuộc phân cấp quản lý	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
95	Dữ liệu về lịch các chương trình sự kiện cộng đồng và lễ hội	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
96	Dữ liệu về thành tích thi đấu thể thao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
97	Dữ liệu các thư viện trên địa bàn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
98	Dữ liệu Tài nguyên du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
99	Dữ liệu các điểm đến du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
100	Dữ liệu các khu, điểm dịch vụ mua sắm, vui chơi, nhà hàng trên địa bàn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
101	Dữ liệu các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

TT	Tên dữ liệu	Đơn vị chủ trì cung cấp dữ liệu liên quan
102	Dữ liệu các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
103	Dữ liệu về Hướng dẫn viên du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
104	Dữ liệu Địa điểm sân Golf trên địa bàn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
XI	CHỦ ĐỀ XÂY DỰNG	
105	Dữ liệu giá vật liệu xây dựng trên địa bàn	Sở Xây dựng
106	Dữ liệu đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh	Sở Xây dựng
107	Dữ liệu các dự án nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, khu đô thị đang triển khai thực hiện trên địa bàn	Sở Xây dựng
108	Dữ liệu quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị	Sở Xây dựng
109	Dữ liệu về việc cấp phép xây dựng trên địa bàn	Sở Xây dựng
110	Dữ liệu chỉ số xây dựng trên địa bàn	Sở Xây dựng
111	Dữ liệu giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn	Sở Xây dựng
112	Dữ liệu đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn	Sở Xây dựng
XII	CHỦ ĐỀ Y TẾ, SỨC KHỎE	
113	Dữ liệu danh sách các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền của địa phương	Sở Y tế
114	Dữ liệu danh sách các cơ sở được cấp chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu thực hành sản xuất tốt (GMP), chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền Bộ Y tế	Sở Y tế
115	Dữ liệu các cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, các cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn	Sở Y tế
116	Dữ liệu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và số giường bệnh của từng cơ sở trên địa bàn	Sở Y tế
117	Dữ liệu cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	Sở Y tế
XIII	CHỦ ĐỀ TƯ PHÁP	
118	Dữ liệu về thông báo công khai việc lựa chọn tổ	Sở Tư pháp

TT	Tên dữ liệu	Đơn vị chủ trì cung cấp dữ liệu liên quan
	chức đấu giá	
119	Dữ liệu về các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh	Sở Tư pháp
120	Dữ liệu danh sách công chứng viên trên địa bàn tỉnh	Sở Tư pháp
121	Dữ liệu danh sách trợ giúp viên pháp lý, luật sư ký HĐ với Trung tâm TGPL	Sở Tư pháp
122	Dữ liệu danh sách các tổ chức hành nghề luật sư	Sở Tư pháp
123	Dữ liệu danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	Sở Tư pháp
XIV	CHỦ ĐỀ CÔNG THƯƠNG	
124	Dữ liệu về các chợ trên địa bàn	Sở Công thương
125	Dữ liệu về các siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn	Sở Công thương
126	Dữ liệu các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu	Sở Công thương
XV	CHỦ ĐỀ THANH TRA	
127	Dữ liệu Kế hoạch công tác thanh tra hằng năm của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La	Thanh tra tỉnh
128	Dữ liệu Quyết định cấp Thẻ thanh tra của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La	Thanh tra tỉnh
129	Dữ liệu Mã số Thẻ thanh tra thuộc thẩm quyền quản lý của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La	Thanh tra tỉnh
130	Dữ liệu thủ tục, quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh
131	Dữ liệu Quyết định thanh tra của Chánh Thanh tra tỉnh Sơn La	Thanh tra tỉnh
132	Dữ liệu Quyết định giám sát Đoàn Thanh tra của Chánh Thanh tra tỉnh Sơn La	Thanh tra tỉnh
133	Dữ liệu Kết luận thanh tra của Chánh Thanh tra	Thanh tra tỉnh

TT	Tên dữ liệu	Đơn vị chủ trì cung cấp dữ liệu liên quan
	tỉnh Sơn La	
134	Dữ liệu Quyết định thu hồi sai phạm thanh tra của Chánh Thanh tra tỉnh Sơn La	Thanh tra tỉnh
135	Dữ liệu Thông báo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra của Chánh Thanh tra tỉnh Sơn La	Thanh tra tỉnh

Phụ lục II
MẪU DANH MỤC DỮ LIỆU MỞ VÀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI
(Kèm theo Kế hoạch của UBND tỉnh Sơn La)

TT	Tên tập dữ liệu	Mô tả	Đơn vị chủ trì cung cấp	Ngày cung cấp lần đầu	Tần suất cung cấp	Ghi chú
NHÓM CHỦ ĐỀ						
	<i>Lịch các chương trình sự kiện cộng đồng và lễ hội</i> <i>Ví dụ</i>	<i>Dữ liệu cung cấp danh sách các tất cả các chương trình sự kiện cộng đồng và lễ hội trên địa bàn tỉnh nhằm mục đích giúp cho các cá nhân, tổ chức dễ dàng tra cứu, chủ động tham gia các chương trình, sự kiện của tỉnh. Dữ liệu bao gồm các thông tin về tên sự kiện, thời gian bắt đầu, kết thúc, địa điểm và đơn vị tổ chức. Dữ liệu được tổng hợp từ các chương trình sự kiện cộng đồng và lễ hội thường niên và mới được cấp phép trong thời hạn 1 tháng</i>	<i>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</i>	<i>01/5/2023</i>	<i>Hàng tháng</i>	
	<i>Danh sách các cơ sở bán lẻ thuốc</i> <i>Ví dụ</i>	<i>Dữ liệu cung cấp danh sách tất cả các cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn tỉnh giúp cho các cá nhân, tổ chức dễ dàng tìm kiếm được các cơ sở đã được cấp phép hoạt động trên từng khu vực để thuận tiện trong việc mua sản phẩm thuốc cũng như phát hiện các cơ sở kinh doanh trái phép. Dữ liệu bao gồm thông tin về tên cơ sở, địa chỉ kinh doanh phân theo từng phường, xã, phạm vi kinh doanh, ngày cấp và ngày hết hạn giấy phép được trích xuất từ hệ thống cấp phép của Sở Y tế.</i>	<i>Sở Y tế</i>	<i>01/02/2023</i>	<i>Hàng tháng</i>	
NHÓM CHỦ ĐỀ:						

1. Một số lưu ý khi triển khai dữ liệu mở

a) Dữ liệu mở của cơ quan nhà nước: là dữ liệu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố rộng rãi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ.

b) Nguyên tắc cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước thực hiện theo Điều 17 và việc công bố dữ liệu mở đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 20, 21 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

c) Kế hoạch và triển khai dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

d) Sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

đ) Về định dạng dữ liệu: Khuyến khích cung cấp dữ liệu ở nhiều định dạng khác nhau, đặc biệt là các định dạng máy có thể đọc được, chia sẻ dưới dạng dịch vụ giao diện lập trình ứng dụng (API). Dữ liệu ở định dạng máy có thể đọc được phải là dữ liệu có cấu trúc (ví dụ như CSV, JSON, XML...).

2. Hướng dẫn chi tiết các cột trong bảng mẫu

a) TT: Số thứ tự của dịch vụ trong danh mục.

b) Tên tập dữ liệu: Tên dữ liệu phải được viết dễ hiểu cho nhiều đối tượng khác nhau, độ dài vừa đủ để mô tả được nội dung dữ liệu hàm chứa.

c) Mô tả: Thông tin mô tả về mục đích, phạm vi, nội dung, cơ chế thu thập, cập nhật, nguồn dữ liệu được thu thập cũng như các thông tin khác nếu có về chất lượng, độ tin cậy của dữ liệu.

d) Đơn vị chủ trì cung cấp: Cơ quan có thẩm quyền được giao quản lý và cung cấp dữ liệu.

đ) Ngày cung cấp lần đầu: Ngày mà dữ liệu được cơ quan có thẩm quyền công bố rộng rãi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ.

e) Tần suất cung cấp: Tần suất mà dữ liệu được cung cấp. Ví dụ như hàng tuần, hàng tháng, hàng năm...

g) Ghi chú: Các thông tin bổ sung khác (nếu có).

h) Nhóm chủ đề: Tên chủ đề mà dữ liệu được sắp xếp thành các nhóm để thuận tiện trong việc tìm kiếm./.